

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 7 - 2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mường Văn Y;

2. Bà Đào Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Lý Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Sùng Mí D, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Ma Thị V, sinh năm: 1976

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn S, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Sùng Mí D trình bày: Anh D và chị Ma Thị V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau về chung sống với nhau từ tháng 10/1993 và làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ đó đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đến tháng 11/1993 chị V chuyển khẩu và nhập khẩu về gia đình anh D tại thôn Sang P, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, đến ngày 16/7/2012 chị Ma Thị V đi về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang chơi được 10 ngày sau không thấy chị V quay về. Anh D đã đến nhà bố mẹ vợ tìm chị V nhưng không thấy, gia đình bố mẹ chị V không biết chị V đi đâu. Anh D và người thân trong gia đình đã đi tìm nhiều lần, nhiều nơi nhưng không thấy, đến nay vẫn không có tin tức gì về chị Ma Thị V. Anh D đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị V mất tích để giải quyết việc ly hôn, ngày 22/4/2019 Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang đã ra quyết định tuyên bố chị Ma Thị V mất tích. Nay anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Ma Thị V.

- Về con chung: Anh D và chị Ma Thị V có 02 con chung:

1. Sùng Mí P, sinh ngày 01/01/1995;

2. Sùng Mí H, sinh ngày 24/7/2001.

Trong thời gian chị V bỏ nhà đi cho đến nay cả hai con chung sống với anh D. Con Sùng Mí P hiện đã trưởng thành và lập gia đình. Khi ly hôn anh D xin trực tiếp nuôi con Sùng Mí H.

- Về tài sản, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Chị Ma Thị V, vắng mặt. Ngày 22/4/2019 Tòa án nhân dân huyện Q đã tuyên bố chị Ma Thị V mất tích, đến nay chị V không có mặt tại nơi cư trú, cũng không có tin tức gì về chị Ma Thị V.

Tại phiên tòa, anh Sùng Mí D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q:

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa và tại phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014, không công nhận anh Sùng Mí Đình và chị Ma Thị Vàng là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu Sùng Mí H sinh ngày 24/7/2001 cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Việc anh Sùng Mí D khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Ma Thị V, có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn S, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu của anh D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

[2] Về Quan hệ hôn nhân:

Anh Sùng Mí D và chị Ma Thị V về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và không xảy ra mâu thuẫn gì, đến tháng 7/2012 chị V về nhà bố mẹ đẻ chơi sau đó không thấy chị V quay về và từ đó đến nay vẫn không có tin tức gì, không biết chị V còn sống hay đã chết. Anh D đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị V bị mất tích, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang đã thực hiện trình tự tố tụng và thông báo tìm kiếm chị V nhưng không có kết quả, không có thông tin gì về chị V. Ngày 22/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Q đã ra quyết định tuyên bố chị Ma Thị V mất tích, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình để áp dụng khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Sùng Mí D và chị Ma Thị V.

[3] Về con chung:

Anh D và chị Ma Thị V có 02 con chung: Sùng Mí P, sinh ngày 01/01/1995; Sùng Mí H, sinh ngày 24/7/2001.

Xét thấy, chị Ma Thị V biệt tích từ năm 2012 cho đến nay không có tin tức xác thực về chị V còn sống hay đã chết, nên không giao trách nhiệm nuôi con hay cấp dưỡng nuôi con được. Từ khi chị Vàng biệt tích, anh D đã làm tốt việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, con cũng có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy, giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Sùng Mí H là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Anh D không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Sùng Mí D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Sùng Mí D và chị Ma Thị V.

2. Về con chung: Giao cho anh Sùng Mí D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con: Sùng Mí H, sinh ngày 24/7/2001. Chị Ma Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Sùng Mí D phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) anh D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang theo Biên lai số: BB/2013/05040 ngày 15/5/2019.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Q (2);
- UBND xã Đ;
- TAND Tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS H.Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Văn Thuận

